

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN BÀO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN ANH HOÀNG*
TĂNG VĂN HOÀNG**

Trong phạm vi bài viết, các tác giả đã đưa ra khái niệm quyền con người, quyền bào chữa và bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội; một số quy định trong việc bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Qua đó phân tích một số ưu điểm và hạn chế, bất cập nhằm đưa ra các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Từ khóa: Bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa, người bị buộc tội, Bộ luật Tố tụng hình sự.

The authors introduced the concepts of human rights, right of defense, and guaranteeing human rights and the right of defense of the accused person, and a number of provisions for guaranteeing human rights, the right of defense of the accused person according to the Criminal Procedure Code of Vietnam. They analyzed some advantages, limitations, and inadequacies in order to propose solutions to strengthen the guarantee of human rights and right of defense of the accused person in the criminal proceedings in Viet Nam.

Keywords: Guaranteeing human rights; right of defense; accused person; Criminal Procedure Code.

NGÀY NHẬN: 12/4/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/5/2023

NGÀY DUYỆT: 16/6/2023

Quynen baw chũa (QBC) là một phạm trù trong tổng thể quyền con người (QCN). QBC của người bị buộc tội (NBBT) là quyền rất quan trọng trong hoạt động tố tụng. Nó cho phép NBBT đưa ra các chứng cứ và biện minh cho hành vi của mình. Pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam cho phép NBBT có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Bên cạnh trao QBC cho NBBT thì pháp luật Việt Nam còn quy định điều kiện để bảo đảm cho quyền này được thực thi bằng việc các cơ quan, người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho NBBT thực hiện đầy đủ QBC, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật TTHS.

1. Khái niệm quyền con người, quyền bào chữa và bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội

Một trong những dấu ấn quan trọng của lịch sử phát triển về QCN là sự hình thành

* NCS tại Trường Đại học Luật Hà Nội

** NCS tại Trường Đại học Luật Hà Nội

những văn kiện quốc tế về QCN như Tuyên Ngôn nhân quyền thế giới năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước chống tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục con người năm 1985... Những văn kiện trên đã quy định những quyền cơ bản của con người, trong đó có quyền được bào chữa.

QBC là quyền của NBBT được thực hiện trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội với mục đích làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm trong vụ án hình sự; làm sáng tỏ tình tiết về sự vô tội hoặc để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NBBT. Bảo đảm QCN trong TTHS là những yếu tố để QCN được ghi nhận, thực thi trong quá trình giải quyết vụ án nhằm tôn trọng phẩm giá của con người trong mọi hoàn cảnh.

Bảo đảm QBC của NBBT là việc tạo ra những tiền đề về mặt pháp lý, thiết lập cơ chế thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm QBC của họ trong TTHS. Thực hiện và bảo đảm thực hiện QBC của NBBT trong hoạt động TTHS không chỉ góp phần bảo đảm cho công tác xét xử được khách quan, toàn diện, tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm mà còn góp phần bảo vệ QCN của NBBT.

Ở nước ta, bảo đảm QBC là một trong những nguyên tắc TTHS được ghi nhận ngay từ *Hiến pháp* năm 1946. Các bản *Hiến pháp* từ năm 1959, năm 1980, năm 1992 tiếp tục ghi nhận và đề cao nguyên tắc này. Hiện nay, QBC của NBBT được ghi nhận tại khoản 4 Điều 31 Chương III *Hiến pháp* năm 2013 đó là: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”. Như vậy, QBC của NBBT đã được ghi nhận là một trong những QCN, quyền cơ bản của công dân.

2. Một số quy định trong việc bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Cụ thể hóa *Hiến pháp* năm 2013, *Bộ luật TTHS* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)

ghi nhận nguyên tắc này tại Điều 16 với nội dung: “người bị buộc tội có quyền tự bào chữa; nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”. Bảo đảm QBC ngoài việc trao quyền cho các chủ thể thực hiện chức năng bào chữa thì pháp luật còn phải quy định cơ chế bảo đảm quyền này bằng việc yêu cầu: cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo; giải thích và bảo đảm cho NBBT, bị hại; đương sự thực hiện đầy đủ QBC; quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của luật. Với quy định này, NBBT có thể thực hiện QBC dưới hai hình thức:

Thứ nhất, quyền tự bào chữa: đó là việc NBBT tự mình thực hiện các quyền tố tụng được pháp luật quy định cho họ nhằm đưa ra các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trước cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Để bảo đảm cho quyền tự bào chữa của NBBT, pháp luật TTHS trao cho họ một số quyền sau: trong giai đoạn khởi tố, NBBT có các quyền được pháp luật trao cho họ trong vai trò là bị can bao gồm: “Quyền được biết lý do mình bị bắt, bị tạm giữ; được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ khi bị bắt và bị tạm giữ; Nhận quyết định khởi tố bị can...” (Điều 60). Ngoài các quyền của bị can trong giai đoạn khởi tố trước đó thì trong giai đoạn xét xử bị cáo còn có thêm những quyền như: tham gia phiên tòa; được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa... (Điều 61). Trong trường hợp này, các cơ quan có thẩm quyền phải có trách nhiệm xem xét, giải quyết yêu cầu đề nghị của họ. Nếu không chấp nhận, cơ quan tiến hành tố tụng phải lập biên bản, nêu lý do và phải thông báo cho NBBT.

Thứ hai, quyền nhờ người khác bào chữa: đây là quyền mà NBBT được nhờ sự giúp đỡ

của luật sư, người đại diện hợp pháp của họ, bào chữa viên nhân dân hoặc trợ giúp viên pháp lý theo quy định của pháp luật. Trong thực tiễn, vì những lý do khác nhau nên không phải bất cứ NBBT nào cũng có khả năng tự bào chữa một cách có hiệu quả. Do vậy, pháp luật tạo điều kiện để họ thực hiện QBC của mình bằng việc có thể nhờ người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho NBBT thực hiện đầy đủ QBC, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của *Bộ luật TTHS*.

Để bảo đảm cho hoạt động bào chữa của người bào chữa, pháp luật TTHS hiện hành trao cho người bào chữa một số quyền quy định tại Điều 73 *Bộ luật TTHS* năm 2015 như sau: gặp, hỏi người bị buộc tội; có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác; được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác...

3. Một số ưu điểm trong việc bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự

Một là, mở rộng quy định về diện người được bảo đảm QBC. Nếu theo quy định của *Bộ luật TTHS* năm 2003, người được bảo đảm QBC chỉ bao gồm: người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thì *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã bổ sung người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và người bị bắt theo quyết định truy nã cũng có quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Như vậy, *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã mở rộng hơn diện người được bảo đảm QBC so với *Bộ luật TTHS* năm 2003.

Hai là, mở rộng quy định về diện người bào chữa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 72 *Bộ luật TTHS* năm 2015, những người có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa đã được mở rộng hơn so với quy định của *Bộ luật TTHS* năm 2003. Theo đó, bên cạnh luật sư, bào chữa viên nhân dân, người đại diện hợp pháp của NBBT thì Trợ giúp viên pháp lý cũng có thể trở thành người bào chữa cho các đối tượng chính sách được trợ giúp pháp lý.

Ba là, quy định về thủ tục đăng ký bào chữa. Hiện nay, *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã thay thủ tục “Cấp giấy chứng nhận bào chữa” bằng thủ tục “Đăng ký bào chữa” và thời hạn chấp nhận đăng ký bào chữa được rút ngắn từ 3 ngày xuống 1 ngày (24 giờ) kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo luật định. Đồng thời, để khắc phục tình trạng “đề” thêm thủ tục, giấy tờ liên quan đến bào chữa, khoản 2 Điều 78 *Bộ luật TTHS* năm 2015 quy định cụ thể các loại giấy tờ cần phải xuất trình tương ứng với từng diện người bào chữa trong trường hợp bào chữa thông thường và bào chữa chỉ định. Ngoài ra, để xóa bỏ việc người bào chữa phải thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận người bào chữa riêng cho từng giai đoạn tố tụng như trước đây, *Bộ luật TTHS* năm 2015 quy định: “Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng”, chỉ trừ các trường hợp cụ thể theo luật định tại khoản 6 Điều 78 *Bộ luật TTHS* năm 2015.

Bốn là, quy định về lựa chọn, chỉ định người bào chữa. So với quy định của *Bộ luật TTHS* năm 2003 thì *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã mở rộng chủ thể có quyền lựa chọn người bào chữa bằng việc quy định bổ sung người thân thích của NBBT có quyền mời người bào chữa (khoản 1 Điều 75). Đồng thời, *Bộ luật TTHS* năm 2015 còn quy định cụ thể thủ tục và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi tiếp nhận được yêu cầu nhờ người bào chữa của NBBT và người thân thích của họ phải chuyển yêu cầu này hoặc thông báo cho người bào chữa biết; có trách nhiệm tạo

điều kiện cho người bào chữa liên hệ với NBBT để thỏa thuận về việc nhờ bào chữa. Đặc biệt, để tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến việc bào chữa, đồng thời nhằm bảo đảm tính minh bạch của hoạt động TTHS, *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 77, trong trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra có đề nghị từ chối người bào chữa do người thân thích của họ nhờ thì điều tra viên phải cùng người bào chữa đó trực tiếp gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc từ chối.

Bên cạnh đó, để bảo đảm QBC của NBBT theo khung hình phạt có quy định các loại, mức hình phạt nghiêm khắc, *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã mở rộng các trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa (trường hợp NBBT được chỉ định người bào chữa) đối với bị can, bị cáo về tội mà *Bộ luật Hình sự* quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình...

Năm là, quy định về thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng. *Bộ luật TTHS* năm 2015 quy định thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa sớm hơn, theo đó người bào chữa có quyền tham gia tố tụng kể từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 74) thay vì tham gia từ khi có quyết định tạm giữ như quy định của *Bộ luật TTHS* năm 2003. Sự sửa đổi này góp phần bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của NBBT ngay từ những hoạt động đầu tiên của quá trình tố tụng. Điều này giúp cho người bào chữa tiếp cận được những chứng cứ tốt hơn phục vụ cho việc bào chữa tại phiên tòa.

Sáu là, quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. Trong *Bộ luật TTHS* năm 2003, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa tuy đã được quy định nhưng chưa thật sự đầy đủ. Để người bào chữa thực hiện tốt việc bào chữa, đồng thời tăng cường trách nhiệm của

người bào chữa khi tham gia tố tụng, *Bộ luật TTHS* năm 2015 đã bổ sung quyền của người bào chữa, gồm: (1) Quyền gặp, hỏi NBBT; (2) Quyền có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc, người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; (3) Thu thập chứng cứ; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản.

4. Một số hạn chế và bất cập trong việc bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, Bộ luật TTHS năm 2015 đã khắc phục hạn chế của quy định trước đây là quy định cho phép người bào chữa tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu. Tuy nhiên, hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu của người bào chữa hiện nay vẫn còn thụ động, nhất là trong việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, cung cấp các chứng cứ họ đang nắm giữ. Bởi vì pháp luật TTHS hiện nay chưa có quy định về trách nhiệm này cũng như các chế tài đối với các hành vi cản trở, cố tình che giấu, không cung cấp chứng cứ, tài liệu khi có yêu cầu.

Theo khoản 3 Điều 81 *Bộ luật TTHS* năm 2015, trường hợp không thể thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật thì người bào chữa có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu thập. Đây là một trong những quy định tiến bộ của *Bộ luật TTHS*, tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc quy định đề nghị như hiện nay, thì việc này khó có thể được bảo đảm bởi nó phụ thuộc nhiều vào mặt chủ quan từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ hai, việc quy định các quyền cho người bào chữa nhưng không quy định chế tài cho hành vi vi phạm, cản trở..., việc thực hiện các quyền đó là chưa đầy đủ. Do đó, cần bổ sung thêm quy định xử lý đối với các hành vi này, cụ thể có thể coi đây như trường hợp vi

phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi vì hậu quả của hành vi này mang lại nhiều khi rất nghiêm trọng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người được bào chữa, thậm chí có thể dẫn đến oan sai.

Thứ ba, về quy định người bào chữa còn hạn chế. Theo Điều 72 *Bộ luật TTHS* năm 2015 thì người bào chữa là luật sư; người đại diện của NBBT; hoặc vào chữa viên nhân dân... Chính quy định cụ thể cho từng nhóm người được phép tham gia bào chữa cùng với một số quy định như phải là luật sư, bào chữa viên nhân dân..., (hội đủ tiêu chuẩn khoản 3 Điều 72 *Bộ luật TTHS* năm 2015) đã hạn chế đi quyền được bào chữa của NBBT. Thực tế không ít trường hợp những người biết; liên quan đến vụ án hoặc muốn chứng minh làm rõ vụ án lại không thể thực hiện bào chữa.

Bên cạnh đó, tại Điều 289 *Bộ luật TTHS* năm 2015 quy định trường hợp không có mặt của kiểm sát viên thì phải hoãn phiên tòa, trong khi đó nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử. Quy định như vậy hình chung đề cao tầm quan trọng của bên buộc tội hơn bên bào chữa cũng như hạn chế quyền được bào chữa của NBBT nếu không có người bào chữa.

5. Các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam

Một là, hướng dẫn nhận thức và thực hiện các nguyên tắc tố tụng liên quan đến bảo đảm QCN, QBC của NBBT trong TTHS như nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án; nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, tăng cường yếu tố tranh tụng trong mô hình tố tụng xét hỏi là bảo đảm quan trọng cho việc giải quyết vụ án được đúng đắn, khách quan trên cơ sở bảo đảm tốt nhất QCN của người tham gia tố tụng, nhất là của NBBT

nói chung và quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử nói riêng.

Hai là, hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của NBBT. Hướng dẫn bảo đảm thực hiện một số quyền quan trọng của họ như quyền im lặng và không coi sự im lặng như là thái độ thiếu thiện chí của NBBT; quyền được thu thập chứng cứ trong trường hợp tự bào chữa, quyền được tư vấn pháp luật trong trường hợp NBBT tự bào chữa tại phiên tòa...

Ba là, mở rộng phạm vi người bào chữa để có thể thu hút được một số lượng lớn những người có trình độ chuyên môn làm người bào chữa tham gia TTHS. Không nên quy định người bào chữa cụ thể đối với NBBT, như vậy, NBBT có thể dễ dàng tiếp cận và nhờ người bảo vệ quyền lợi cho mình trong bối cảnh bị hạn chế nếu bị tạm giam, tạm giữ.

Bốn là, để bảo đảm thực hiện tốt QCN, QBC của NBBT trong TTHS, cần hoàn thiện các quy định sau đây: quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các quy định khác về mặt hoạt động, tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng..., nhằm bảo đảm các quy định được thực hiện nghiêm túc trên thực tế; quy định về các chế tài tố tụng cũng như hình thức kỷ luật áp dụng trong trường hợp các quy định về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo □

Tài liệu tham khảo:

1. *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). H. NXB Công an nhân dân, 2022.
2. Nguyễn Anh Hoàng. *Bảo đảm quyền con người trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam: Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*. Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 6/2021.
3. Tăng Văn Hoàng. *Quyền bào chữa của bị can, bị cáo và người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*. Tạp chí Công thương (số 26) tháng 11/2021.